

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2018/HNGĐ -ST

Ngày 12/02/2018

V/v tranh chấp Ly hôn - ST

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà : **Nguyễn Thị Hải Lý**

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. **Bà Nguyễn Thị Nhiều,**

2. **Ông Nguyễn Tiến Sang,**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Tho** - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện VKSND huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Hoài** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224 /2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX -ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú : Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị L , sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có mặt , chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017 cũng như tại bản tự khai ngày 01/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày

25/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Do chị L có quan hệ bất chính với người khác nên bỏ bỏ con anh để chạy theo người đàn ông đó. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm gì tới nhau. Bản thân anh T cùng gia đình đã động viên, khuyên bảo chị L rất nhiều lần, mong chị L suy nghĩ lại và thay đổi để vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi con, cho con đỡ thiệt thòi nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng xấu đi. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12/2015 đến nay, bỏ mặc nhau. Hiện nay chị L thường hay vắng nhà. Khi anh gửi đơn đến tòa án anh đã điện thoại thông báo cho chị L. Chị L cũng biết việc ly hôn này nhưng chị L không hợp tác. Do vậy anh T có đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay anh Thuần vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị L.

Về quan hệ con chung: Anh T và chị L có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/01/2009. Ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung; không vay nợ gì ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ gì. Ruộng cây cũng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - chị Trần Thị L** đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của anh T. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, chị L cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy chị L không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

*** Theo bà Trần Thị T (Mẹ đẻ anh T cư trú tại thôn G, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình) trình bày** tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 23/11/2017 như sau: Về quá trình kết hôn và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn đúng như anh T đã trình bày. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2015, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xin ly hôn với chị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của anh T.

Về con chung và quan hệ tài sản: Bà T cũng trình bày như lời trình bày của anh T tại Tòa án.

*** Bà Trần Thị N, sinh năm 1965. Cư trú tại: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ của chị Trần Thị L) trình bày** tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 22/11/2017 như sau:

Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn G, xã S. Theo bà biết được, ngay sau khi kết hôn giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị L phải nín nhịn, chịu đựng một thời gian rất dài để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Đến tháng 12/2015 mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Do anh T nghi ngờ lòng chung thủy của chị L. Chị L phải về nhà bà ở khoảng 01 tháng. Sau đó chị L đi làm ăn và thỉnh thoảng vẫn đi về nhà bà. Chị L cũng đã biết việc anh T xin ly hôn chị, nhưng chị không đến Tòa án làm việc được vì gia đình bà và chị L là người công giáo. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn với chị L, bà và gia đình không có ý kiến gì mà tùy anh chị ấy quyết định.

Về con chung và tài sản chung của vợ chồng: Bà N cũng trình bày đúng như lời trình bày của anh T tại Tòa án.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ **Quan hệ hôn nhân:** đề nghị xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trần Thị L.

+ **Quan hệ con chung:** Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/01/2009. Ly hôn đề nghị giao con Nguyễn Bảo N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

+ **Quan hệ tài sản:** Do chị L vắng mặt và chưa có lời trình bày tại tòa án, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của anh T và chị L. Cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

+ **Án phí:** Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L kết hôn ngày 25/9/2006 tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp.

Quá trình chung sống do anh chị nghi ngờ lòng chung thủy của nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh T và chị L cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Từ tháng 12/2015 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở

và sau đó không còn chung sống với anh T nữa. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 02 năm, không ai quan tâm đến ai.

Tòa án cũng đã hỗ trợ về việc gửi các tài liệu chứng cứ mà anh T giao nộp cho chị L theo đơn đề nghị của anh T và đã triệu tập họp chị L nhiều lần. Chị L có biết việc anh T xin ly hôn chị như chị vẫn cố tình không đến tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai, chứng cứ vắng mặt chị L. Do anh T có đơn đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải nên tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng anh T, chị L đã sống ly thân mỗi người một nơi. Ở địa phương tồn tại một số thông tin về việc chị L có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay anh T xin ly hôn chị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T để anh chị ổn định cuộc sống.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2] Quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/01/2009. Trong thời gian chung sống trước đây và từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh vẫn chăm sóc con chu đáo, quan tâm đến việc học tập của con và đóng học phí đầy đủ theo quy định mà nhà trường đề ra. Điều này được bà Ngô Thị Thanh T - Phó hiệu trưởng Trường tiểu học xã S và cô giáo chủ nhiệm lớp cháu Nguyễn Bảo N xác nhận. Mặt khác anh T có thu nhập ổn định, hiện đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại và vận tải H. Bản thân anh cũng thiết tha được chăm lo, dạy dỗ cho con. Nguyện vọng của cháu N cũng mong muốn được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con cho anh T tiếp tục nuôi dạy là hợp lý và cũng phù hợp với đề nghị của địa phương và quy định của pháp luật. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[3] Quan hệ tài sản: Do không có lời trình bày của chị L về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của anh T và chị L. Cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải chịu 300.000 đồng

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Quan hệ con chung: Xử giao con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 21/01/2009 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp tại biên lai số 0002782 ngày 01/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

Án tuyên công khai sơ thẩm có mặt anh T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Vắng mặt chị Trần Thị L báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết kết quả của bản án tại trụ sở UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận :

- V.K.S.N.D huyện Vũ Thư
- Chi cục T.H.A Dân sự huyện V
- Các Đương Sự
- UBND xã S, huyện V
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ
- Lưu HCTP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)